### CÁC ĐỊNH NGHĨA

ĐỊA VỊ

- Vị trí của một người trong xã hội; từ này xuất phát từ tiếng Latin statum hay chỗ đứng (quá khứ phân từ của động từ stare, nghĩa là đứng).

- Trong nghĩa hẹp, từ này chỉ chỗ đứng về pháp lý hoặc nghề nghiệp của một người trong một nhóm (đã kết hôn, là trung úy, v.v...) Nhưng trong nghĩa rộng hơn, và ở đây thì có liên quan hơn, chỉ giá trị và tầm quan trọng của một người trong mắt thế giới.

- Các xã hội khác nhau tưởng thưởng địa vị cho những nhóm khác nhau: thợ săn, chiến binh, các gia tộc lâu đời, thầy tu, hiệp sĩ, phụ nữ mắn đẻ. Dần dần, từ năm 1776, địa vị ở phương Tây (một lãnh vực mơ hồ nhưng có thể nhận thức được đang còn tranh cãi) đã được tưởng thưởng dựa theo thành tựu về tài chính.

- Địa vị cao mang lại các hệ quả dễ chịu. Chúng bao gồm của cải, sự tự do, không gian, tiện nghi, thời gian và, có lẽ điều quan trọng là, ý thức về việc được quan tâm và được coi là có giá trị, thể hiện qua những lời mời, tâng bốc, tiếng cười (ngay cả khi kể chuyện tiếu lâm nhạt nhẽo), sự trọng vọng và sự chú ý.

- Địa vị cao trong suy nghĩ của nhiều người (nhưng chỉ vài người thừa nhận công khai) là một trong những thứ của cải bảnh nhất trên đời.

NỖI LO ÂU VỀ ĐỊA VỊ

- Một mối lo nghĩ, tai hại đến độ có thể hủy hoại cuộc sống của ta trong những khoảng thời gian dài, về việc chúng ta không tương hợp với những lý tưởng về thành công mà xã hội đặt ra và vì thế ta có thể bị tước đi phẩm giá và sự tôn trọng; một mối lo rằng chúng ta đang ở một nấc thang quá khiêm tốn và sắp sửa bị rớt xuống nấc thấp hơn.

- Mối lo âu về địa vị bị kích thích bởi những yếu tố như sự suy thoái, thất nghiệp, những cuộc thăng tiến, việc về hưu, những cuộc chuyện trò với đồng nghiệp cùng ngành, các lược tả trên báo chí về thành công nổi bật và lớn lao hơn của bạn bè. Giống như việc thú nhận lòng đố kỵ (thứ có liên quan đến cảm xúc đó), có thể khinh suất về mặt xã hội khi để lộ mức độ của bất cứ nỗi lo âu nào và, bởi thế, chứng cứ cho bi kịch nội tâm là điều hiếm thấy, mà thường chỉ hạn chế ở một ánh nhìn đăm đăm, một nụ cười dễ vỡ hay một quãng lặng dài hơn cần thiết khi đọc tin về thành tựu của người khác.

- Nếu vị trí của chúng ta trên bậc thang là chủ đề cho một mối quan tâm như vậy, là bởi sự tự nhận thức của ta quá phụ thuộc vào những gì người khác nghĩ về mình. Trừ vài cá nhân hiếm hoi (Socrates, Jesus), chúng ta dựa vào các dấu hiệu tôn trọng từ thế giới bên ngoài để cảm thấy khoan dung với bản thân mình.

- Nhưng đáng tiếc hơn, địa vị thật khó đạt được và để duy trì suốt cuộc đời thì còn khó hơn nữa. Ngoại trừ trong những xã hội nơi địa vị được ấn định từ lúc sinh ra và trong huyết quản ta là dòng máu quý tộc, vị trí của chúng ta neo vào những gì ta có thể đạt được; và chúng ta có thể thất bại do ngu ngốc hay thiếu sự tự tri, do kinh tế vĩ mô hay sự ác ý.

- Và thất bại sẽ đẩy đưa đến nỗi ô nhục: một nhận thức gặm nhấm rằng chúng ta đã không thể thuyết phục được thế giới về giá trị của ta và vì thế buộc lòng phải nhìn vào người thành công với nỗi cay đắng và bản thân ta với sự hổ thẹn.

LUẬN ĐỀ

- Nỗi lo âu về địa vị đó có một khả năng khác thường là khơi gợi nỗi buồn khổ.

- Khao khát về địa vị, giống như mọi thèm muốn khác, đều có ích dụng của nó: thôi thúc ta đem lại công bằng cho các tài năng của mình, khuyến khích sự ưu tú, ngăn chúng ta không sa vào những thói lập dị có hại và gắn kết các thành viên của xã hội vào một hệ giá trị chung. Nhưng, cũng giống như mọi thèm muốn, những gì quá đà cũng có thể gây sát thương.

- Khi xem xét một tình cảnh nào đó, cách tốt nhất có thể là hãy cố gắng tìm cách hiểu và nói về nó.

Phần Một NGUYÊN NHÂN

## I KHÔNG TÌNH YÊU

### NHU CẦU YÊU VÀ KHAO KHÁT ĐỊA VỊ

#### 1.

Mọi cuộc đời của người trưởng thành đều có thể được định rõ bằng hai chuyện tình lớn. Chuyện đầu tiên, việc chúng ta truy tìm tình yêu nhục dục, ai cũng biết và được nhắc đến nhiều, tính chất thất thường của nó tạo chất liệu cho âm nhạc và văn chương, được xã hội chấp nhận và ca tụng. Chuyện thứ hai, việc chúng ta truy tìm tình yêu từ thế giới, lại là một giai thoại thầm kín và hổ thẹn hơn. Nếu được nhắc đến, thường sẽ là những lời lẽ châm chọc và mỉa mai, tựa như một mối quan tâm chủ yếu đến những tâm hồn đầy ghen tị hoặc kém cỏi, hoặc nếu không thì động lực đến với địa vị chỉ được diễn giải theo một ý nghĩa kinh tế mà thôi. Tuy vậy, câu chuyện tình thứ hai không vì thế mà kém mãnh liệt hơn chuyện thứ nhất, nó không kém phức tạp, quan trọng hay phổ quát hơn, và những trắc trở của nó cũng không kém đau đớn hơn. Có cả trái tim tan vỡ nữa.

#### 2.

Adam Smith viết, trong The Theory of Moral Sentiments[\*](file:///D:\Ebook-Center\Nỗi%20lo%20âu%20về%20địa%20vị.docx#Top_of_1_split8_xhtml) (Lý thuyết về các tình cảm luân lý) (Edinburgh, 1759): “Mục đích của tất cả sự cực nhọc và hối hả của thế giới này là gì? Mục tiêu của lòng tham và khát vọng, của việc theo đuổi sự giàu sang, quyền lực và sự xuất chúng là gì? Phải chăng là để được cung cấp những thứ thiết yếu của tự nhiên? Mức lương của người lao động bình dân nhất cũng có thể có được chúng. Vậy đâu là những lợi thế của mục đích lớn lao ấy trong đời người, mà ta gọi là việc cải thiện hoàn cảnh của chúng ta?

“Được quan sát, được tham dự, được chú ý với niềm cảm thông, sự hài lòng và chấp thuận, đều là những lợi thế mà chúng ta có thể trông chờ. Một người giàu hãnh diện với sự giàu có của mình vì cảm thấy nhờ đó mà anh ta tự nhiên thu hút được sự chú ý của thế giới. Trái lại, người nghèo xấu hổ về sự nghèo khó của mình. Anh ta cảm thấy nó đặt anh ta ra ngoài tầm nhìn của nhân loại. Việc cảm thấy chúng ta không được để ý tất sẽ làm thất vọng những khao khát cháy bỏng nhất trong bản tính con người. Kẻ nghèo khổ ấy đi ra ngoài và bước tới mà chẳng ai hay, và khi ở giữa một đám đông, anh ta cảm nhận vẫn sự vô danh ấy như thể bị khóa chặt trong mái tranh của chính anh ta vậy. Trái lại, một người có địa vị và tước hiệu được cả thế giới để mắt đến. Ai cũng háo hức nhìn anh ta. Nhất cử nhất động của anh ta là đối tượng để ý của công chúng. Hiếm khi người ta bỏ qua một lời nào, một cử chỉ nào từ anh ta.”

#### 3.

Thôi thúc lấn át ẩn sau khao khát vươn lên trong hệ thứ bậc xã hội có thể bắt rễ không nhiều từ của cải vật chất ta tích lũy được, hoặc quyền lực ta có thể vận hành như là từ mức độ tình yêu chúng ta xứng đáng được nhận như một hệ quả của địa vị cao. Tiền bạc, danh vọng và sức ảnh hưởng có thể được định giá cao hơn như những dấu hiệu của, và phương tiện dẫn tới, tình yêu thay vì tự thân chúng là những mục đích cuối.

Bằng cách nào mà một từ[\*](file:///D:\Ebook-Center\Nỗi%20lo%20âu%20về%20địa%20vị.docx#Top_of_1_split8_xhtml), thường chỉ dùng để nói về những gì chúng ta chờ đợi hoặc hy vọng từ cha mẹ hay bạn tình, lại được áp dụng cho điều gì đó ta muốn từ thế giới, và được thế giới ban cho? Có lẽ chúng ta có thể định nghĩa tình yêu, đồng thời trong các khuôn khổ gia đình, giới tính và thế giới phổ quát của nó, như một kiểu tôn trọng, một sự nhạy cảm của một người đối với sự tồn tại của người khác. Khi được ban cho tình yêu, chúng ta cảm thấy mình là đối tượng được quan tâm: sự hiện diện của ta được chú ý, tên ta được lưu lại, quan điểm của ta được lắng nghe, những thiếu sót của ta được đối xử bằng niềm bao dung và các nhu cầu của ta được chăm bẵm. Và dưới sự chăm sóc như thế, chúng ta bừng nở. Dù cho có thể có sự khác biệt giữa hình thức tình ái và hình thức địa vị, địa vị không có chiều kích nhục cảm, không thể có kết cuộc hôn nhân, và những ai trao nó thường mang những động cơ thứ cấp, nhưng những người được ban cho địa vị, giống hệt như những người có tình yêu, đều sẽ tận hưởng sự bảo vệ dưới ánh nhìn độ lượng của những người cảm kích họ.

Những người có vị trí quan trọng trong xã hội thường được dán nhãn “ông nọ bà kia”, và đối cực với họ là “vô danh tiểu tốt” - cả hai, dĩ nhiên, đều là những đặc tả vô nghĩa, bởi lẽ tất cả chúng ta, không thể tránh được, đều là các cá nhân với những bản sắc riêng và những đòi hỏi có thể so sánh được về sự tồn tại. Tuy nhiên, những cái nhãn ấy là phương tiện thích hợp để truyền tải cách đối xử khác nhau tùy theo những nhóm khác nhau. Những người không có địa vị hết thảy đều vô hình: người ta đối xử thô lỗ với họ, chà đạp lên những rắc rối của họ, và phớt lờ những nét riêng biệt của họ.

Mặc dù không thể tránh khỏi những phân biệt về mặt kinh tế, không nên đánh giá tác động của địa vị thấp chỉ từ khía cạnh vật chất. Hình phạt trầm trọng nhất hiếm khi nằm ở, ít nhất là bên trên những tầm mức sinh kế, sự bất tiện thể chất đơn thuần; thường thì, thậm chí chủ yếu, nó nằm ở sự thách thức của địa vị thấp với lòng tự trọng của người đó. Miễn là không đi kèm với sự sỉ nhục, người ta có thể chịu được nỗi bất tiện trong những khoảng thời gian dài mà không phàn nàn. Để minh chứng cho điều này, ta chỉ cần nhìn vào ví dụ của nhiều người lính và nhà thám hiểm, qua nhiều thế kỷ, sẵn sàng chịu đựng cảnh thiếu thốn vượt xa so với các thành viên nghèo khó nhất trong xã hội của họ, miễn là họ có thể trụ được qua tình cảnh khó khăn bằng việc nhận thức được niềm kính trọng mà những người khác dành cho mình.

Tương tự, những ích lợi của địa vị cao hiếm khi giới hạn trong của cải. Chúng ta chẳng nên ngạc nhiên khi thấy nhiều người tuy giàu nhưng vẫn tiếp tục tích lũy của cải, nhiều hơn cả mức năm thế hệ có thể tiêu xài. Những nỗ lực của họ chỉ khác lạ nếu chúng ta nhất định đòi một căn nguyên thuần vật chất đằng sau việc tạo ra của cải. Cùng với việc kiếm thật nhiều tiền, họ cũng tìm kiếm sự tôn trọng phát sinh từ quá trình tích lũy nó. Chỉ có số ít trong chúng ta là những nhà mỹ học kiên tâm hoặc những kẻ thích xa xỉ, nhưng hầu hết chúng ta đều khao khát phẩm giá; và nếu một xã hội tương lai ban phát tình yêu như một phần thưởng cho việc tích lũy những cái đĩa nhựa nhỏ, hẳn sẽ chẳng bao lâu những vật vô giá trị như thế cũng chiếm một vị trí trung tâm trong những khát vọng và mối lo âu sốt sắng nhất của chúng ta.

#### 4.

William James viết, trong The Principles of Psychology (Cơ sở tâm lý học) (Boston, 1890):

“Không sự trừng phạt nào độc địa hơn, nếu quả một điều như thế có thể tồn tại trên thực tế, việc một người bị đẩy ra lề xã hội và bị tất cả thành viên của xã hội đó tuyệt đối ngó lơ. Nếu không ai quay đầu lại khi ta bước vào, trả lời khi ta phát biểu, hay để tâm những gì ta làm; nếu bất cứ ai ta gặp đều ‘coi chúng ta như đồ bỏ’, và làm như thể chúng ta là những thứ không hiện hữu, thì từ lâu ngay trong ta đã dấy lên một cơn thịnh nộ và nỗi tuyệt vọng chán chường, mà đối sánh với nó, sự tra tấn thể xác hung bạo nhất hẳn sẽ là một điều khuây khỏa.”

#### 5.

Chúng ta bị tác động thế nào nếu thiếu vắng tình yêu? Tại sao việc bị bỏ rơi dẫn ta đến một “cơn thịnh nộ và nỗi tuyệt vọng chán chường”, để bên cạnh đó bản thân sự tra tấn lại là một điều khuây khỏa?

Sự chú ý của người khác quan trọng với chúng ta vì ta ưu phiền bởi tình trạng không chắc chắn thâm căn cố đế về giá trị của chính ta, và chính vì mối ưu phiền ấy khiến chúng ta có xu hướng chấp nhận để cho các đánh giá của người khác đóng một vai trò quyết định trong cách ta nhìn nhận bản thân. Cảm thức của chúng ta về bản sắc cá nhân bị giam hãm trong sự đánh giá của những người sống quanh ta. Nếu ta kể một câu chuyện cười làm cho họ thích thú, ta sẽ tự tin hơn về khả năng pha trò của mình. Nếu họ khen ngợi ta, trong ta sẽ nảy nở một ấn tượng về phẩm chất cao. Và nếu họ né tránh ánh nhìn của ta khi ta bước vào phòng hay tỏ ra thiếu kiên nhẫn sau khi ta tiết lộ nghề nghiệp của mình, chúng ta có thể rơi vào cảm giác tự hoài nghi và vô giá trị.

Trong một thế giới lý tưởng, chúng ta sẽ có khả năng chống lại tác động tốt hơn. Chúng ta hẳn sẽ không bị dao động dù bị ngó lơ hay được để ý, được ngưỡng mộ hay bị chế giễu. Nếu ai đó khen ngợi ta thiếu chân thành, ta sẽ không bị cám dỗ quá mức. Và nếu ta đã thực hiện một đánh giá công bằng về những điểm mạnh của ta và biết đâu là giá trị của mình, lời ám chỉ của ai đó rằng chúng ta thật tầm thường sẽ chẳng làm ta tổn thương. Chúng ta sẽ biết giá trị của mình. Thay vào đó, mỗi chúng ta dường như giữ trong mình một số cách nhìn bất đồng về các phẩm chất trời sinh của ta. Chúng ta nhận thức được chứng cớ cả về tính thông minh lẫn sự ngu ngốc, tính hài hước lẫn sự trì độn, cả sự quan trọng lẫn tầm thường. Và giữa tình trạng không chắc chắn như thế, ta thường quay sang thế giới rộng lớn hơn để đặt câu hỏi về tầm quan trọng của chúng ta. Sự thờ ơ làm nổi bật việc tự đánh giá đầy tiêu cực về tài năng của chúng ta, trong khi một nụ cười hay lời khen nhanh chóng đưa ra điều ngược lại. Chúng ta dường như để ý đến những niềm yêu mến của kẻ khác để chịu đựng bản thân mình.

“Cái tôi” hay sự tự nhận thức của chúng ta có thể được hình dung như một quả bong bóng thủng, không ngừng đòi khí heli của tình yêu bên ngoài để giữ phồng, nhưng bất cứ lúc nào cũng có thể bị tổn thương trước cả một cú chích nhỏ nhất của sự thờ ơ. Có điều gì đó vừa điềm đạm vừa lố bịch tùy theo mức độ chúng ta được nâng lên nhờ sự chú ý của người khác và chìm xuống bởi sự coi thường của họ. Tâm trạng chúng ta có thể trở nên u ám vì một đồng nghiệp chào ta lấy lệ hoặc ta gọi điện mà không ai trả lời. Và chúng ta có chiều hướng nghĩ rằng cuộc đời đáng sống vì có ai đó nhớ tên ta hoặc gửi cho ta một rổ trái cây.

|  |
| --- |
| Những hệ quả của sự thờ ơ |
| |  |  | | --- | --- | | Thái độ của người khác | Tự hình dung | | Bạn là một kẻ thất bại  Bạn không quan trọng  Bạn mờ nhạt | Mình là một nỗi ô nhục  Mình chẳng là gì cả  Mình ngốc nghếch  Mình có giá trị  Mình quan trọng  Mình thông minh | |

Những hệ quả của tình yêu

|  |  |
| --- | --- |
| Thái độ của người khác | Tự hình dung |
| Bạn thành công  Bạn quan trọng  Bạn sáng láng | Mình có giá trị  Mình quan trọng  Mình thông minh  Mình là một nỗi ô nhục  Mình chẳng là gì cả  Mình ngốc nghếch |

#### 6.

Với sự tự hình dung thất thường sẵn có về bản thân mình, nhìn từ quan điểm cảm xúc cũng chẳng kém gì từ quan điểm vật chất, chẳng có gì ngạc nhiên việc chúng ta lo âu về vị trí mình có được trong thế giới. Vị trí này sẽ xác định chúng ta được ban phát bao nhiêu tình yêu và do đó, đổi lại, liệu chúng ta có thể thích hay buộc phải đánh mất niềm tin vào chính mình. Nó nắm giữ chìa khóa đối với một món hàng hóa có tầm quan trọng chưa từng có với chúng ta: một tình yêu không đi kèm với những thứ mà nếu không có nó, ta sẽ không thể tin tưởng hoặc không chịu đựng được những tính cách của chính mình.

## II SỰ KỲ VỌNG

### TIẾN BỘ VẬT CHẤT

#### 1.

Ngày 1/7/1959, phó tổng thống Mỹ, Richard Nixon, đến Moscow để khánh thành một triển lãm trưng bày một số thành tựu công nghệ và vật chất của nước ông. Điểm nổi bật trong triển lãm này là bản sao đúng kích cỡ căn hộ của một thành viên mức trung bình thuộc tầng lớp lao động Mỹ, được trang bị thảm lót sàn, một ti vi trong phòng khách, hai phòng tắm, máy sưởi trung tâm và nhà bếp với một máy giặt, một máy sấy quần áo và một tủ lạnh.

Tường thuật về cảnh này, một tờ báo Xô Viết giận dữ phủ nhận việc một công nhân Mỹ bình thường có thể sống trong sự xa xỉ như vậy, và khuyên độc giả xem toàn bộ căn nhà như sự tuyên truyền, sau khi mỉa mai gọi nó bằng cái tên “Taj Mahal”.

Khi Nixon dẫn Nikita Khrushchev đi vòng quanh triển lãm, nhà lãnh đạo Liên Xô cũng hoài nghi không kém. Bên ngoài bếp của ngôi nhà mẫu, Khrushchev chỉ vào một máy vắt chanh điện và nhắc Nixon rằng không một ai có lý trí lại ước có được một “món đồ ngớ ngẩn” như vậy.

“Bất cứ thứ gì làm đỡ việc cho phụ nữ cũng đều hữu ích,” Nixon gợi ý.

“Chúng tôi không nghĩ về phụ nữ trong phạm trù công nhân như các ông nghĩ trong hệ thống tư bản chủ nghĩa,” Khrushchev giận dữ đáp.

Tối hôm đó, Nixon được mời xuất hiện trực tiếp trên kênh truyền hình Xô Viết, một dịp để ông diễn giải những lợi thế trong đời sống Mỹ. Vốn tinh nhanh, ông không mở đầu bài nói chuyện bằng cách khơi mào về dân chủ hay nhân quyền; thay vào đó, ông nói về tiền bạc và tiến bộ vật chất. Nixon giải thích rằng chỉ trong mấy trăm năm, các quốc gia phương Tây đã tìm cách, qua doanh nghiệp và kỹ nghệ, vượt qua cái nghèo và cái đói, hai thứ đã kìm kẹp thế giới đến tận giữa thế kỷ 18 và vẫn tiếp tục quấy nhiễu nhiều nước khác cho đến lúc bấy giờ. Ông cho các thính giả Liên Xô, vốn phần lớn không có phòng tắm riêng hay ngay cả sở hữu một cái ấm nước, biết rằng người Mỹ đã mua 56 triệu ti vi và 143 triệu máy thu thanh. Ông lưu ý rằng, những thành viên trong một gia đình Mỹ trung bình có thể mua 9 cái váy và bộ vest mới, 14 đôi giày mới mỗi năm, và khoảng 31 triệu gia đình sở hữu nhà riêng. Ở Mỹ, những ngôi nhà có thể mang cả nghìn phong cách kiến trúc khác nhau, phần lớn có diện tích sàn lớn hơn trường quay nơi họ đang ngồi. Ngồi cạnh Nixon, Khrushchev tức điên, nắm chặt tay và nhăn nhó, “Nyet! Nyet!” (Không! Không!) và lầm bầm, theo một nguồn tin cho biết, “Ëb’ tvoyu babushky” (Đi mà chịch con bà nội mày).

#### 2.

Bất chấp sự phản đối của Khrushchev, những con số thống kê của Nixon là chính xác. Trước bài nói chuyện của ông hai thế kỷ, các quốc gia phương Tây đã chứng kiến sự thăng tiến nhanh chóng nhất và ấn tượng nhất về mức sống trong lịch sử loài người.

Phần lớn dân số châu Âu thời trung cổ và thời cận đại đều thuộc tầng lớp nông dân. Sống trong nghèo túng, đói kém, lạnh lẽo và sợ hãi, họ thường qua đời, theo sau vài nỗi thống khổ thêm vào nữa, trước sinh nhật thứ bốn mươi. Sau một đời làm lụng, tài sản giá trị nhất của họ có thể là một con bò cái, một con dê hay một cái hũ. Đói kém chưa bao giờ xa lánh họ, và bệnh tật lan tràn, thường thấy nhất là còi xương, viêm loét, lao, phong hủi, áp xe, hoại thư, u bướu và bạch hầu.

#### 3.

Thế rồi, ở nước Anh đầu thế kỷ 18, cuộc chuyển hóa vĩ đại của phương Tây bắt đầu. Nhờ những kỹ thuật trồng trọt mới (gồm luân canh, chăn nuôi gia sức có khoa học và gia cố đất canh tác), năng suất bắt đầu tăng vọt. Từ năm 1700 đến 1820, sản lượng nông nghiệp ở Anh tăng gấp đôi, giúp vốn và nhân lực chảy đến các thành phố được đầu tư vào công nghiệp và thương mại. Việc phát minh ra đầu máy hơi nước và máy dệt bông làm thay đổi không chỉ những thông lệ lao động mà cả những kỳ vọng xã hội. Các thành thị bùng nổ về quy mô. Vào năm 1800, chỉ có một thành phố ở quần đảo Anh là London có dân số hơn một trăm nghìn người; đến năm 1891, hai mươi ba thành phố Anh đã đạt đến mức đấy. Hàng hóa và dịch vụ trước đây dành riêng cho giới tinh hoa nay được mang cho đại chúng. Đồ xa xỉ trở thành hàng bình thường, và hàng bình thường trở thành đồ thiết yếu. Daniel Defoe, chu du khắp miền Nam nước Anh năm 1745, ghi lại sự bùng nổ các cửa hiệu mới mẻ rộng rãi với những cửa sổ trưng bày hấp dẫn và món hàng mời gọi. Lịch sử lưu lại cho thấy ngành thời trang vốn không có gì biến động trong nhiều thập niên liền, giờ đây có thể xác định phong cách đặc thù cho từng năm (chẳng hạn, ở Anh năm 1753, màu tím thịnh hành với đầm nữ; năm 1754, đến lượt vải lanh trắng với họa tiết hồng; năm 1755, màu xám bồ câu lại là mốt).

Thế kỷ 19 mở rộng và lan tỏa cuộc cách mạng tiêu dùng ở Anh. Các trung tâm thương mại khổng lồ được mở khắp châu Âu và Mỹ: Bon Marché và Au Printemps ở Paris, Selfridge’s và Whiteley’s ở London, Macy’s ở New York. Tất cả đều được thiết kế để cuốn hút tầng lớp trung lưu công nghiệp mới. Tại lễ cắt băng khánh thành một cửa hàng Marshall Field’s mười hai tầng ở Chicago năm 1902, người quản lý, Gordon Selfridge, tuyên bố “Chúng ta đã xây dựng cơ sở đồ sộ này cho người bình thường, để nó có thể là cửa hàng, ngôi nhà ở trung tâm, đại bản doanh mua sắm của họ.” Ông nhấn mạnh, nó không chỉ nhắm vào giới “nhà giàu bảnh chọe”.

Một loạt các phát minh công nghệ đã giúp trải rộng chân trời tâm lý, ngay cả khi chúng làm biến đổi những mẫu hình của đời sống thường ngày: cách nhìn theo vòng tuần hoàn yếm thế xưa cũ về thế giới, ở đó người ta chờ đợi một năm mới cũng giống như (tức là cũng tệ như) năm đã qua, mở đường cho quan niệm rằng loài người có thể tiến bộ qua mỗi năm để tiến gần đến sự hoàn mỹ. Đây là một vài trong số những phát minh ấy:

• BỎNG NGÔ: Do J. H. Kellogg sáng chế năm 1895 (Kellogg tình cờ nảy ra ý tưởng khi mớ ngũ cốc ông nấu cho các bạn cùng nhà an dưỡng bất ngờ đanh lại và nổ tung như bông tuyết).

• ĐỒ MỞ HỘP: Sáng chế năm 1870.

• KIM BĂNG: Phát minh năm 1849.

• MÁY MAY: Do I. M. Singer phát triển năm 1851 (quần áo may sẵn sẽ trở nên thông dụng hơn từ thập niên 1860; đồ lót may bằng máy may sẽ xuất hiện vào thập niên 1870).

• MÁY ĐÁNH CHỮ: Phát minh năm 1867 (bản thảo đầu tiên được đánh máy hoàn toàn là Life on the Mississippi (Cuộc sống trên dòng Mississippi) của Mark Twain, phát hành năm 1883).

• THỨC ĂN CHẾ BIẾN SẴN: Đến thập niên 1860, công ty của Anh Crosse & Blackwell sản xuất khoảng 102 nghìn lít[\*](file:///D:\Ebook-Center\Nỗi%20lo%20âu%20về%20địa%20vị.docx#Top_of_1_split9_xhtml) tương cà mỗi năm. Đầu thập niên 1880, hãng hóa chất Alfred Bird nghĩ ra một loại bột làm nhân bánh không dùng trứng. Bột nhào đông lạnh (blanc-mange) được phát triển vào thập niên 1870, và rau câu vào những năm 1890.

• THẮP SÁNG: Nến stearic được dùng từ thập niên 1830, thay thế nến mỡ có tuổi thọ ngắn hơn nhiều.

• HỆ THỐNG VỆ SINH: Năm 1846, Doulton bắt đầu sản xuất những ống tráng men, đánh dấu một cuộc cách mạng về thoát nước đô thị. Đến cuối những năm 1870, nhà vệ sinh công cộng bắt đầu nở rộ ở châu Âu và Mỹ. “Bệ bồn cầu” nổi tiếng của George Jennings năm 1884 làm công chúng kinh ngạc với khả năng giội sạch, như trong lời quảng cáo, “mười quả táo và một miếng bọt biển chỉ với cú giội 7,5 lít nước”.

• ĐIỆN THOẠI: Do Alexander Graham Bell sáng chế năm 1875.

• GIẶT KHÔ: Sáng chế năm 1849, mở đầu ngành tẩy trắng nhờ Jolly-Bellin, người tình cờ làm chảy dầu thông lên khăn trải bàn và phát hiện trên chỗ đó, các vết ố bẩn biến mất (đến năm 1866, nhà Pullar ở Perth cung cấp dịch vụ giặt khô hai ngày qua đường bưu điện đến bất cứ đâu trên quần đảo Anh và đã cải tiến chất lỏng tẩy trắng của Jolly-Bellin với công thức kết hợp dầu hỏa pha ét xăng).

#### 4.

Sự tiến bộ vật chất còn gia tăng nhanh hơn nữa trong thế kỷ 20. Trong English Journey (Hành trình nước Anh) (1934), J. B. Priestley nhận xét rằng một nước Anh mới đã thành hình, đất nước của những con đường huyết mạch và những ngôi nhà kiểu bungalow với cư dân, phần lớn là công nhân bình thường, đọc nhật báo khổ nhỏ, nghe truyền thanh, thư giãn bằng cách đi mua sắm và mong muốn nâng cao thu nhập theo từng năm. “Ở nước Anh này, lần đầu tiên,” ông khẳng định, “Jack và Jill[\*](file:///D:\Ebook-Center\Nỗi%20lo%20âu%20về%20địa%20vị.docx#Top_of_1_split9_xhtml) sống gần như đủ đầy như ông chủ và cô chủ của họ.”

George Orwell, trong The Lion and the Unicorn (Sư tử và kỳ lân) (1941), phác họa một bức tranh tương tự về cuộc cách mạng vật chất ở phương Tây: “Hầu hết người dân ở các quốc gia văn minh giờ đây tận hưởng tiện ích của những con đường tốt, nước tiệt trùng, sự bảo an, các thư viện miễn phí và có lẽ cả một loại giáo dục miễn phí nào đó. Người giàu và người nghèo ngày càng tiến tới đọc cùng những quyển sách, xem cùng bộ phim và nghe cùng chương trình truyền thanh. Những khác biệt trong cách sống của họ đã được thu giảm nhờ việc sản xuất hàng loạt quần áo giá rẻ và những cải tiến về nhà ở. Nơi ta kiếm tìm phôi thai của nước Anh tương lai là trong các khu vực công nghiệp nhẹ và dọc những đường huyết mạch. Ở Slough, Dagenham, Barnet, Letchworth, Hayes, thực ra là ở bất cứ đâu thuộc ngoại ô của các đô thị lớn, mẫu hình cũ đang dần thay mới. Trong những hoang địa mới bao la chỉ toàn kính và gạch, có một đời sống không ngơi nghỉ, không văn hóa, xoay quanh thức ăn đóng hộp, tạp chí Picture Post, máy thu thanh và động cơ đốt trong.”

Khi Franklin D. Roosevelt được hỏi về quyển sách ông sẽ đưa cho người dân Xô Viết để dạy họ về những mối lợi của xã hội Mỹ, ông đã chọn quyển catalog của Sears, Roebuck[\*](file:///D:\Ebook-Center\Nỗi%20lo%20âu%20về%20địa%20vị.docx#Top_of_1_split9_xhtml).

Giữa cơn bùng nổ kinh tế theo sau Thế chiến thứ Hai, những người phương Tây, đặc biệt là người Mỹ, trở thành người tiêu dùng có đặc quyền nhất, hạch sách nhất hành tinh.

Khắp nước Mỹ, những khát vọng mới được tạo ra nhờ sự phát triển của những trung tâm mua sắm, cho phép các công dân lượn lờ vào mọi lúc trong một không gian có điều hòa nhiệt độ. Khi đại siêu thị Southdale Mali mở tại Minnesota năm 1950, mẩu quảng cáo của họ hứa hẹn “ngày nào cũng sẽ là ngày mua sắm hoàn hảo tại Southdale”.

Đến thập niên 1970, người ta ước tính người Mỹ dành nhiều thời gian nhất là ở trung tâm mua sắm, ngoài chỗ làm việc và những “Taj Mahal” của họ.

### BÌNH ĐẲNG, SỰ KỲ VỌNG VÀ LÒNG ĐỐ KỴ

#### 1.

Chúng ta đều quen thuộc với những lợi ích của hai nghìn năm văn minh phương Tây: mức tăng phi thường về của cải, nguồn cung cấp lương thực, tri thức khoa học, tính sẵn có của hàng hóa tiêu dùng, an ninh thể chất, tuổi thọ dự kiến và cơ hội kinh tế. Có lẽ điều khó nhận thấy hơn, và phức tạp hơn, là những bước tiến ấn tượng về vật chất này diễn ra đồng thời với một hiện tượng mà bài nói chuyện của Nixon với khán giả Xô Viết đã không đề cập đến: sự gia tăng mức lo âu về địa vị trong những công dân phương Tây bình thường, nghĩa là tăng mức độ quan tâm đến tầm quan trọng, thành tựu và thu nhập.

Nghịch lý thay, một sự sụt giảm đột ngột về sự thiếu thốn trên thực tế có thể đi cùng với một cảm thức hay nỗi sợ tiếp diễn, thậm chí gia tăng, về sự túng thiếu. Ân huệ có được sự giàu có và những khả năng vượt xa bất cứ sự tưởng tượng nào của những tổ tiên đã cày bừa trên thứ đất trồng được chăng hay chớ của châu Âu thời trung cổ, song những người dân thời hiện đại vẫn cho thấy khả năng cảm nhận đáng kể rằng việc họ là ai hoặc họ có những gì đều vẫn là chưa đủ.

#### 2.

Những cảm giác thiếu thốn như thế xem ra có thể dễ hiểu hơn nếu ta xem xét cái tâm lý ẩn sau phương cách mà chúng ta quyết định một cách chính xác bao nhiêu là đủ. Sự đánh giá của chúng ta về cái sẽ kiến tạo nên một hạn mức thích hợp cho bất kỳ điều gì, chẳng hạn, của cải hay sự quý trọng, không bao giờ xuất hiện độc lập; thay vào đó, chúng ta đưa ra những cách xác định như thế bằng việc so sánh hoàn cảnh của mình với hoàn cảnh của một nhóm tham chiếu, một nhóm người mà ta tin là giống như chúng ta. Có vẻ như chúng ta không thể đánh giá đúng những gì ta có vì giá trị tự thân của nó, thậm chí còn đánh giá trái ngược so với tổ tiên trung cổ của ta. Chúng ta không thấy ấn tượng trước việc chúng ta thịnh vượng ra sao xét theo nghĩa lịch sử. Chúng ta coi mình là may mắn chỉ khi nào ta có nhiều bằng, hoặc hơn, so với những người cùng sinh ra và lớn lên, cùng làm việc, có cùng bạn bè hay tương đồng với ta trong địa hạt công cộng.

Nếu chúng ta buộc phải sống trong một mái nhà tranh gió lùa, kham khổ và phải quỳ gối trước quy tắc khắc nghiệt của một kẻ quý tộc sở hữu một lâu đài lớn, ấm cúng, song lại nhận thấy tất thảy những người ngang bằng đều sống y như chúng ta, thì hoàn cảnh của chúng ta sẽ có vẻ bình thường hơn hẳn, thật đáng tiếc, chắc hẳn rồi, nhưng không phải là mảnh đất màu mỡ cho lòng đố kỵ. Tuy nhiên, nếu chúng ta có một căn nhà ấm cúng, một công việc thoải mái, nhưng qua một cuộc họp lớp đáng lẽ không nên đi, ta biết được một số bạn bè ngày xưa (đây đích thị là một nhóm tham chiếu hấp dẫn hơn cả) giờ đây ngụ trong những căn nhà lớn hơn ta, mua được bằng đồng lương từ những công việc thú vị hơn ta, hẳn chúng ta trở về nhà ôm ấp một cảm xúc mãnh liệt về sự bất hạnh.

Đó là cảm giác mà chúng ta đôi khi có thể, trong những tình huống khác nhau, là một ai đó khác với con người mình, một cảm giác bị kích thích bởi sự phơi mình trước các thành tựu vượt trội của những người ta xem là ngang bằng với mình - đã tạo ra nỗi lo âu và ấm ức. Giả sử, nếu ta thấp nhưng sống giữa những người có cùng chiều cao với mình, ta sẽ không bị quấy nhiễu quá mức bởi những câu hỏi về kích thước.

Nhưng nếu những người khác trong nhóm chỉ cao lớn hơn ta một chút, rất có thể ta sẽ cảm thấy một nỗi băn khoăn đột ngột và trong lòng chất chứa nỗi bất mãn và đố kỵ, mặc dù chúng ta không hề thấp đi dù chỉ một phần nghìn milimét.

Với những sự bất bình đẳng to lớn mà chúng ta phải đối mặt hằng ngày, đặc tính nổi bật nhất của lòng đố kỵ có thể là việc chúng ta cố gắng không đố kỵ với tất cả mọi người. Có những người với phúc lành lớn lao khiến ta hoàn toàn không thấy phiền nhiễu, trong khi những lợi thế nhỏ nhặt của người khác lại là nguồn cơn cho mối giày vò khôn nguôi với ta. Chúng ta chỉ đố kỵ những người mà ta cảm thấy họ giống mình - chúng ta chỉ đố kỵ với những thành viên trong nhóm tham chiếu của mình. Có một vài thành công khó chấp nhận hơn so với thành công của những người trông có vẻ ngang bằng với ta.

#### 3.

David Hume viết, trong A Treatise on Human Nature (Một khảo luận về bản tính con người), (Edinburgh, 1739): “Thứ tạo ra lòng đố kỵ không phải sự bất tương xứng lớn lao giữa bản thân ta và người khác, mà ngược lại, là do sự gần gũi. Một người lính trơn không cảm thấy đố kỵ với vị thống chế so với những gì anh ta cảm thấy với tay trung sĩ hay cai đội của mình; hay một nhà văn thành danh cũng không mấy ghen tị với những tay bồi bút thông thường, so với sự ghen tị với các tác giả tiệm cận tới vị trí của anh ta. Một sự bất tương xứng lớn lao sẽ cắt đứt mối liên hệ đó, hoặc giúp ta tránh so sánh mình với những gì ở xa chúng ta, hoặc làm giảm thiểu các tác động của sự so sánh.”

#### 4.

Theo đó, càng có nhiều người chúng ta xem là ngang bằng và đem so sánh với bản thân ta, sẽ càng có thêm chỗ cho lòng đố kỵ.

Nếu như các cuộc cách mạng chính trị và tiêu dùng vĩ đại của thế kỷ 18 và 19 gây ra nỗi thống khổ về mặt tâm lý trong khi cải thiện mạnh mẽ mặt vật chất của nhân loại, thì đó là bởi chúng hình thành trên một nhóm những lý tưởng mới, phi thường, một niềm tin thiết thực vào tính bình đẳng cố hữu của mọi con người và vào năng lực vô hạn của bất cứ ai để đạt được bất cứ thứ gì. Trong phần lớn lịch sử, điều giả định ngược lại mới là lý tưởng thống trị, bất bình đẳng và những kỳ vọng thấp được xem là bình thường và khôn ngoan. Rất ít người trong đám quần chúng từng tơ tưởng tới giàu sang hay sự đủ đầy; số còn lại biết rõ rằng họ sinh ra để bị bóc lột và cam chịu.

“Rõ ràng một số người sinh ra đã là tự do, một số khác sinh ra đã là nô lệ, và với những người ở nhóm thứ hai, chế độ nô lệ vừa thích hợp vừa xác đáng,” Aristotle tuyên bố trong tác phẩm Politics (Chính trị luận) (năm 350 TCN) của mình, đưa ra một quan điểm được chia sẻ bởi hầu như tất cả các nhà tư tưởng, nhà lãnh đạo Hy Lạp và La Mã. Trong thế giới cổ đại, nô lệ và thành viên thuộc tầng lớp lao động nói chung không được coi là con người thực thụ mà chỉ là một loài sinh vật, thiếu lý trí và vì vậy hoàn toàn thích hợp với một đời sống nô lệ, cũng như thân trâu ngựa thích hợp với những thửa đất cần được cày bừa. Quan niệm cho rằng họ có các quyền và khát vọng của riêng mình, đối với giới tinh hoa cũng ngớ ngẩn chẳng kém, nói giả dụ, việc biểu thị mối quan tâm đến tiến trình tư duy hay thang bậc hạnh phúc của một con bò hay một con lừa.

Niềm tin rằng sự bất bình đẳng là công bằng, hay ít nhất là không thể tránh khỏi, cũng được chính những người bị áp bức tán thành. Cùng với việc truyền bá Kitô giáo thời cuối Đế chế La Mã, nhiều người trở thành con mồi cho một tôn giáo dạy họ chấp nhận việc đối xử bất bình đẳng như một phần của trật tự tự nhiên không thể đổi dời. Mặc dù những lời dạy của Đức Kitô đều gắn với các nguyên lý về quân bình, các lý thuyết gia chính trị của Kitô giáo vẫn không mấy đồng tình rằng cấu trúc xã hội thế tục có thể, hoặc nên được cải cách để tất cả thành viên của nhà thờ có thể nhận phần của cải đất đai công bằng hơn. Con người có thể bình đẳng trước Chúa, nhưng điều đó không đưa ra bất kỳ lý do nào để bắt đầu tìm kiếm sự bình đẳng trong thực tiễn.

Với các lý thuyết gia này, một xã hội Kitô giáo tốt thay vào đó lại mang hình thái một chế độ quân chủ phân tầng chặt chẽ, một thiết chế được cho là phản ánh trật tự của một vương quốc trên Thiên đàng. Ngay khi Chúa thi hành quyền lực tuyệt đối với tất cả tạo hóa, từ thiên thần đến những con cóc nhỏ bé nhất, thì những nhà cai trị do ngài chỉ định trên thế gian cũng được hiểu là cầm trịch một xã hội mà ở đó Chúa trao cho mỗi người, từ người cao quý đến kẻ chân lấm tay bùn, chỗ của anh ta hay cô ta. Việc kết tội một quý tộc Anh thời trung cổ về thái độ “hợm hĩnh” đối với những kẻ thấp kém hơn ông ta trong hệ thứ bậc này là điều vô nghĩa. Khái niệm phân biệt đối xử chỉ xuất hiện chừng nào một cách nhìn quân bình hơn về người khác tỏ ra khả dĩ.

Sir John Fortescue, nhà luật học Anh thế kỷ 15, đang chỉ đơn thuần nêu lại một ý tưởng được người ta mặc nhiên công nhận suốt thời kỳ trung cổ, khi ông giải thích, “Từ thiên thần cao quý nhất đến đọa lạc nhất, không thiên thần nào mà không có cả phần thượng đẳng và hạ đẳng; cũng như từ con người cho đến loài sâu nhỏ bé nhất, không sinh vật nào không có khía cạnh thượng đẳng so với sinh vật này và hạ đẳng so với sinh vật khác." Trong ý thức hệ chi phối thời đó, việc chất vấn tại sao một số kẻ phải đi cày bừa còn những kẻ khác chè chén linh đình trong những đại sảnh, tức là đang chất vấn ý chí của Tạo hóa.

Với tác phẩm Policraticus (1159), John xứ Salisbury đã trở thành cây bút Kitô giáo nổi tiếng nhất trong việc so sánh một xã hội với một cơ thể người và dùng sự tương tự đó bào chữa cho một hệ thống bất bình đẳng tự nhiên. Theo cách diễn giải của Salisbury, mọi thành tố trong một nhà nước đều có một thành tố đối về kết cấu: người cai trị là cái đầu, nghị viện là trái tim, tòa án là bên hông, các công chức và thẩm phán là đôi mắt, đôi tai và lưỡi, ngân khố là bụng và nội tạng, quân đội là hai bàn tay, tầng lớp nông dân và lao động là đôi chân. Hình ảnh này củng cố ý niệm rằng mọi thành viên của xã hội đã được giao cho một vai trò không thể thay đổi, một đồ hình mà trong đó, việc một nông dân ao ước ngụ trong một thái ấp và có tiếng nói trong phạm vi cai quản của mình cũng buồn cười chẳng kém gì một ngón chân khao khát được là một con mắt.

#### 5.

Chỉ từ giữa thế kỷ 17 tư duy chính trị mới bắt đầu khai phá theo một hướng quân bình hơn.

Trong Leviathan (Thủy quái) (1651), Thomas Hobbes cho rằng cá nhân xuất hiện trước xã hội, đã tạo ra xã hội và gia nhập vào nó vì lợi ích của riêng minh, sẵn sàng đánh đổi các quyền tự nhiên của mình lấy sự bảo hộ từ một nhóm hay một vị quốc chủ. Điểm phôi thai này sẽ được nhắc lại vài thập niên sau bởi John Locke trong Two Treatises of Government (Hai khảo luận về chính quyền) (1689). Locke lập luận, Chúa không ban cho Adam “quyền thống trị cá nhân” trước thế gian; thay vào đó, ngài trao thế giới “cho nhân loại nói chung”, để tất cả đều được hưởng. Những người cai trị là công cụ của người dân và người ta chỉ phải vâng phục họ ở chừng mực khi họ phục vụ lợi ích của thần dân mình. Từ đó khai sinh một ý tưởng mới bất ngờ: các chính quyền có thể biện minh cho sự tồn tại của mình chỉ bằng cách đề xướng các khả năng mang lại sự thịnh vượng và hạnh phúc cho tất cả những người họ cai trị.

Sự thúc đẩy mang tính lý thuyết hướng tới sự quân bình chính trị và các cơ hội xã hội, kinh tế bình đẳng hơn cho tất cả mọi người, sau một thế kỷ rưỡi lơ lửng giữa thinh không, cuối cùng đã tìm thấy sự biểu đạt kịch tính và cô đọng trong cuộc Cách mạng Mỹ năm 1776. Có lẽ hơn tất thảy sự kiện khác trong lịch sử phương Tây (ngay cả Cách mạng Pháp cũng đứng sau một bậc), “cuộc chiến giành độc lập” này đã thay đổi vĩnh viễn cơ sở mà dựa trên đó địa vị được xác định. Bằng một cú sốc, nó đã chuyển hóa xã hội Mỹ từ một hệ thứ bậc cha truyền con nối, quý tộc, một không gian trong đó việc xê dịch hướng thượng bị cấm cản và địa vị một người hoàn toàn phụ thuộc vào dòng dõi và tước hiệu của gia đình anh ta hoặc cô ta, sang một nền kinh tế năng động trong đó địa vị được tưởng thưởng tỉ lệ thuận với các thành tựu (phần lớn là về tài chính) của từng thế hệ mới.

Đến năm 1791, nhà địa lý Jedidiah Morse đã có thể mô tả “nước Anh mới” như một nơi “bất cứ ai đều nghĩ anh ta ít nhất cũng tốt như những người hàng xóm của mình, và tin rằng toàn thể nhân loại có, hoặc buộc phải có, các quyền bình đẳng”. Ngay cả phép xã giao cũng được dân chủ hóa. Gia nhân (mặc dù không phải nô lệ) không còn phải gọi chủ là “chủ nhân” hay “nữ chủ nhân”, và ở Charleston, South Carolina, hội đồng thành phố đã cấm dùng các tôn xưng “Ngài” (Esq.) và “Đức ông” (His Honour). Tất cả các bang của Mỹ đều làm luật chống lại chế độ trưởng nam thừa kế và trao quyền sở hữu tài sản bình đẳng cho con gái và quả phụ. Nhà vật lý kiêm sử gia David Ramsay, trong “Diễn văn về những lợi thế của nền độc lập Mỹ” đọc ngày 4/7/1778, đề xuất rằng mục tiêu của Cách mạng vốn là thiết lập một xã hội mà trong đó “tất cả văn phòng đều mở cửa cho những người có năng lực bất kể tầng lớp hay hoàn cảnh. Thậm chí những chức trách quan trọng của nhà nước cũng có thể được con trai của người nghèo nhất nắm giữ, nếu anh ta có những năng lực tương xứng với chức vị quan trọng này”. Trong tự truyện của mình, Thomas Jefferson thú nhận rằng những nỗ lực của chính ông được hướng đến việc tạo ra “cơ hội cho một chế độ quý tộc của phẩm hạnh và tài năng” nhằm thay thế văn hóa của đặc quyền và, trong nhiều trường hợp, sự ngu dốt cục súc trước đây.

Nhiều thập niên sau, trong tập thơ Lá cỏ (1855), Walt Whitman sẽ xác định sự vĩ đại của nước Mỹ, đặc biệt là với tính bình đẳng và sự thiếu tôn kính một cách hồn nhiên của toàn thể công dân: “Cái thiên tài của nước Mỹ không phải ưu tú nhất, cũng không chủ yếu nằm trong số những nhà hành pháp hoặc lập pháp, cũng không ở các đại sứ hay tác giả hay trong trường đại học hay nhà thờ hay cửa hiệu, hay thậm chí ở các nhật báo hay các nhà phát minh... mà luôn nằm ở người dân bình thường... cái khí chất của họ là khí chất thuộc về những con người chưa bao giờ biết đến sự có mặt của những người thượng đẳng là thế nào... tầm quan trọng ghê gớm của những cuộc bầu cử của họ - việc vị tổng thống ngả mũ cúi đầu trước họ chứ không phải họ cúi đầu trước ông ta...”

#### 6.

Tuy vậy, ngay cả những người nồng nhiệt ái mộ các cuộc cách mạng tiêu dùng và dân chủ cũng không thể không chú ý đến một vấn đề cụ thể dường như mang tính vùng miền ở các xã hội quân bình mà họ tạo ra. Một trong những người đầu tiên chỉ ra điểm ấy là Alexis de Tocqueville.

Du hành ở nước Mỹ non trẻ vào những năm 1830, luật gia kiêm sử gia người Pháp phát hiện một thói xấu không ngờ làm hao mòn tinh thần các công dân của nước cộng hòa mới. Ông thấy rằng, người Mỹ tuy có nhiều thứ, nhưng cuộc sống sung túc không ngăn họ ước muốn có nhiều hơn, hay tránh được sự tổn thương, bất cứ khi nào họ thấy một ai khác có thứ gì đó mà bản thân họ không có. Trong một chương của Democracy in America (Nền dân trị Mỹ) (1835) mang tên “Tại sao người Mỹ thường chẳng yên hưởng sự thịnh vượng của họ”, ông đưa ra một phân tích dài về các mối quan hệ giữa sự bất mãn và kỳ vọng cao, giữa đố kỵ và bình đẳng:

“Khi tất cả các đặc quyền về nguồn gốc xuất thân và của cải được bãi bỏ, khi mọi nghề nghiệp mở cửa cho tất cả mọi người... một người tham vọng có thể nghĩ anh ta sẽ dễ dàng gây dựng được một sự nghiệp lớn và sẽ không bị bó buộc bởi một số mệnh chung nào. Nhưng đây là một ảo tưởng rồi sẽ nhanh chóng được kinh nghiệm sửa lại cho đúng. Khi bất bình đẳng là quy tắc chung trong xã hội, những mối bất bình đẳng lớn nhất cũng không thu hút được sự chú ý. Nhưng khi mọi thứ đều gần như ngang bằng, một dao động nhỏ nhất cũng được nhận ra... Đó là lý do để nỗi buồn thảm lạ lùng thường ám ảnh những cư dân của các nền dân chủ, ngay giữa sự dư dả và ngay giữa nỗi chán ghét cuộc đời thỉnh thoảng bám lấy họ ngay cả trong những hoàn cảnh yên ổn và dễ dàng. Ở Pháp, chúng ta lo lắng vì tỉ lệ tự tử tăng cao. Ở Mỹ, việc tự tử là hiếm, nhưng tôi được kể rằng ở đó bệnh điên phổ biến hơn bất kỳ nơi đâu.”

Vốn quen thuộc với những giới hạn của các xã hội quý tộc, Tocqueville không cảm thấy hoài nhớ hoàn cảnh xã hội thịnh hành ở Mỹ trước năm 1776 hay ở Pháp trước năm 1789. Ông biết rằng dân chúng ở phương Tây hiện đại thụ hưởng một mức sống cao hơn nhiều so với những tầng lớp thấp của châu Âu trung cổ. Tuy vậy, ông ngờ rằng những tầng lớp nghèo đó cũng có lợi thế là sự thanh thản trong tâm hồn mà những người kế tục họ sẽ bị khước từ mãi mãi:

“Khi vương quyền cai trị các quốc gia nhờ sự hậu thuẫn của giới quý tộc, thì xã hội, mặc cho sự cùng khổ của nó, vẫn tận hưởng một số dạng hạnh phúc khó mà lĩnh hội được ở ngày nay. Người dân không chất vấn các quyền của mình, khi mà họ chưa bao giờ nhận thức được khả năng có một trạng thái xã hội khác với thứ họ biết, và chưa bao giờ kỳ vọng được bình đẳng với các nhà lãnh đạo của họ. Họ không cảm thấy ác cảm hay ô nhục trong việc quy phục nghịch cảnh, điều với họ dường như là những rủi ro không thể tránh khỏi do Chúa gửi đến. Người nông nô coi sự hạ đẳng của anh ta như một kết quả của trật tự không thể thay đổi của tự nhiên. Vì thế, một dạng thiện chí được tạo ra giữa các tầng lớp có những vận mệnh quá khác biệt. Người ta thấy bất bình đẳng trong xã hội, nhưng không vì thế mà tâm hồn của con người thấp kém đi.”

Nền dân chủ, theo định nghĩa, phá bỏ mọi rào cản dẫn tới sự kỳ vọng. Tất cả thành viên của một xã hội dân chủ nhận thức được rằng họ bình đẳng trên lý thuyết, ngay cả ở nơi thiếu các phương tiện để đạt được bình đẳng về vật chất. “Ở nước Mỹ,” Tocqueville viết, “tôi chưa từng gặp một công dân nào nghèo đến mức ném một ánh nhìn hy vọng và đố kỵ về phía những điều vui thú của người giàu.” Các công dân nghèo trông vào những người giàu ở kế cận mình và tin tưởng rằng có ngày họ cũng sẽ nối bước những người đó. Không phải lúc nào họ cũng sai. Một số gia tài được gây dựng bởi những người xuất thân khiêm tốn. Tuy vậy, các ngoại lệ không tạo ra quy luật. Nước Mỹ vẫn có một tầng lớp dưới. Chỉ là không giống người nghèo ở các xã hội quý tộc, những người Mỹ nghèo không còn coi hoàn cảnh của họ là bất cứ thứ gì khác ngoài là một sự phản bội những kỳ vọng của chính họ.

Các quan niệm khác nhau về cái nghèo trong phạm vi xã hội quý tộc và dân chủ đặc biệt rõ ràng, Tocqueville cảm nhận, trong thái độ của gia nhân với chủ nhân. Trong các chế độ quý tộc, gia nhân thường chấp nhận vị trí của mình với thái độ tốt; không phải là họ không thể nuôi dưỡng, theo cách dùng từ của Tocqueville, “những suy nghĩ cao xa, niềm kiêu hãnh và lòng tự trọng mạnh mẽ”. Trong những nền dân chủ, trái lại, sự tuyên truyền của báo chí và công luận không ngừng hứa hẹn với các gia nhân rằng họ cũng có thể đạt đến những đỉnh cao của xã hội và làm ra cơ nghiệp như các nhà công nghiệp, quan tòa, khoa học gia hay thậm chí tổng thống. Mặc dù cảm thức về cơ hội không giới hạn có thể ban đầu kích thích ở họ một sự hồ hởi bề mặt, nhất là ở những người trẻ, và mặc dù nó quả thực đã khuyến khích những người tài năng nhất và may mắn nhất trong số đó đạt được các mục tiêu của mình, nhưng theo thời gian và khi đa số đều thất bại trong việc tự vươn lên được, Tocqueville nhận xét rằng tâm trạng họ trở nên u ám, nỗi cay đắng xâm lấn và bóp nghẹt tinh thần họ, và nỗi căm ghét bản thân và chủ nhân của họ sinh sôi mãnh liệt.

Hệ phân cấp thứ bậc cứng nhắc đã tồn tại trong hầu hết xã hội phương Tây cho đến tận cuối thế kỷ 18, nó từ chối mọi hy vọng về sự vận động xã hội, ngoại trừ những trường hợp hiếm hoi nhất là hệ thống được John xứ Salisbury và John Fortescue tôn vinh, vốn dĩ là bất công theo hàng nghìn cách quá rõ ràng, nhưng nó mang đến cho những người ở thứ bậc thấp kém nhất một sự tự do đáng kể: tự do trong việc không phải chọn những thành tựu của quá nhiều người trong xã hội như những điểm tham chiếu, và kết quả là thấy mình khao khát quá mức về địa vị và tầm quan trọng.

#### 7.

Chính một người Mỹ, William James, vài thập niên sau chuyến du hành của Tocqueville vòng quanh nước Mỹ, đã lần đầu tiên nhìn từ góc cạnh tâm lý các vấn đề được tạo ra bởi những xã hội mang đến kỳ vọng không giới hạn cho các thành viên của mình.

James lập luận rằng khả năng hài lòng với bản thân không liên quan gì tới việc trải nghiệm thành công trong mọi lĩnh vực mà ta ráng sức. Không phải lúc nào chúng ta bị sỉ nhục vì thất bại, ông nói, chúng ta chỉ bẽ mặt nếu đặt niềm kiêu hãnh và cảm giác về giá trị của mình vào một khát vọng hay thành tựu nào đó để rồi thất vọng trong việc mưu cầu nó. Các mục tiêu của chúng ta phân định rõ cái gì cần được diễn giải như một thắng lợi và cái gì được xem nhu một thảm họa. Chẳng hạn, bản thân James là một giáo sư tâm lý học ở Harvard, rất coi trọng niềm vinh dự được là một nhà tâm lý học lỗi lạc. Nếu ông phát hiện ra những người khác hiểu biết về tâm lý học hơn mình, ông thừa nhận sẽ cảm thấy đố kỵ và hổ thẹn. Ngược lại, vì chưa bao giờ ông tự đặt cho bản thân nhiệm vụ học tiếng Hy Lạp cổ, nên việc ai đó có kiến thức có thể dịch toàn bộ cuốn Symposium (Tranh biện) của Plato trong khi ông đánh vật với dòng đầu tiên không mấy làm ông bận tâm. Ông giải thích: “Không gắng sức thì không thể có thất bại; không thất bại thì không có ô nhục. Vì thế lòng tự trọng của chúng ta trong thế giới này hoàn toàn phụ thuộc vào việc ta tự tin mình là gì và mình làm gì. Nó được xác định bởi tỉ lệ thực tế trên những tiềm năng giả định của chúng ta.” Vì thế:

Đẳng thức của James minh họa cho việc tăng mức độ kỳ vọng của chúng ta đều dẫn tới việc làm tăng nguy cơ bị ô nhục ra sao. Thứ ta xem là bình thường lại là cốt yếu trong việc xác định cơ may hạnh phúc của chúng ta. Có vài điều đối địch với nỗi thống khổ của một minh tinh hết thời, một chính trị gia bị hạ bệ, hoặc, như Tocqueville từng nhận xét, một người Mỹ không thành công.

Tự trọng =Thành công  
Những kỳ vọng

Đẳng thức trên cũng gợi ý về hai cách thức làm tăng lòng tự trọng của chúng ta. Một mặt, ta có thể tìm cách gặt hái thành công nhiều hơn; mặt khác, ta có thể giảm số lượng những thứ muốn đạt được xuống. James chỉ ra những lợi thế của cách thứ hai:

“Việc từ bỏ những ham muốn là để giúp họ được thỏa lòng, tương tự như việc may mắn nhận được cứu giúp. Có một sự nhẹ nhõm kỳ lạ trong lòng khi người ta chấp nhận sự hư vô trong lĩnh vực cụ thể của mình bằng lòng thành tín. Vào cái ngày chúng ta từ bỏ việc cố gắng trẻ trung hay mảnh mai hơn mới thư thái làm sao. ‘Ơn trời!’ chúng ta nói, ‘những ảo ảnh đó đã qua đi.' Mọi thứ ta ôm vào thân xác mình đều là một gánh nặng và cũng chẳng khác gì gánh nặng của việc vác theo niềm kiêu hãnh.”

#### 8.

Không may cho lòng tự trọng của chúng ta, các xã hội phương Tây chẳng mấy mặn mà giúp ta từ bỏ những ham muốn, chấp nhận tuổi già hay sự phát phì, đừng nói đến giữ kiếp nghèo nàn và vô danh. Tâm trạng của chúng là thôi thúc ta gieo mình vào các hoạt động, các của nả mà tiền nhân của ta hẳn chẳng từng nghĩ đến. Theo đẳng thức của James, bằng cách tăng mạnh những ham muốn của ta, các xã hội này đã gần như không thể bảo đảm đền đáp một lòng tự trọng đúng mực.

Những mối nguy đến từ sự kỳ vọng không được thỏa mãn sẽ càng tăng lên nếu có thêm bất kỳ một sự xói mòn niềm tin vào một thế giới kế tiếp. Những ai có thể tin rằng điều gì xảy ra trên đời chỉ là khúc nhạc dạo đầu vắn tắt cho một sự tồn tại vĩnh cửu sẽ gạt đi bất kỳ khuynh hướng đố kỵ nào, cùng với suy nghĩ rằng sự thành công của người khác chỉ là một hiện tượng nhất thời trên phông nền của một cuộc đời vạn đại.

Nhưng khi niềm tin vào hậu kiếp bị gạt bỏ như một thứ ru ngủ trẻ con và bất khả về mặt khoa học, áp lực phải thành công và tìm kiếm sự đủ đầy rõ ràng sẽ tăng lên bởi việc ý thức rằng người ta chỉ có một cơ hội độc nhất, và phù du đến khiếp hãi, để làm được điều đó. Hiểu như thế, các thành tựu trần tục không còn được xem như khúc dạo đầu cho cái người ta có thể hiện thực hóa trong thế giới khác; thay vào đó, chúng là sự tổng gộp của tất cả những thứ mà người ta sẽ luôn cộng hết vào đó.

Xét về những khó khăn thiết yếu của cuộc đời, nhiều thế kỷ qua, sự cam chịu là một trong những tài sản quan trọng nhất của loài người, một lá chắn chống lại nỗi cay đắng giày vò một cách tàn nhẫn những kỳ vọng mà thế giới quan hiện đại dung dưỡng. Trong City of God (Thành phố Thiên Chúa), (năm 427), Thánh Augustine lý giải sự không hạnh phúc như một đặc tính bất biến của tồn tại, một phần trong “sự thảm hại của hoàn cảnh con người”, và gieo lời khinh miệt vào “tất cả các lý thuyết mà theo đó con người đã gắng sức xây dựng niềm vui sướng cho bản thân quẩn quanh trong nỗi thống khổ của đời này”. Dưới ảnh hưởng của Augustine, nhà thơ Pháp Eustache Deschamps (khoảng 1338-1410) mô tả cuộc đời trên trần thế như một:

Thời của buồn đau và cám dỗ,

Thời của nước mắt, đố kỵ và thống khổ,

Thời của bạc nhược và đọa đày...

(Temps de doleur et de temptacion,

Aages de plour, d’envie et de tourment,

Temps de langour et de dampnacion...)

Khi hay tin về cái chết của đứa con trai một tuổi, Philippe le Bon (1396-1467), công tước Burgundy, đáp lại với giọng đặc trưng của giai đoạn tiền hiện đại: “Giá như Chúa rủ lòng thương cho ta chết sớm như thế, hẳn ta sẽ coi bản thân được phúc lớn.”

#### 9.

Nhưng thời hiện đại vốn chẳng mấy rộng lượng, và cũng chẳng mấy tử tế, đối với chủ nghĩa bi quan.

Kể từ đầu thế kỷ 19, các nhà văn và nhà xuất bản phương Tây đã tìm cách truyền cảm hứng cho, và trong quá trình đó đã vô ý làm buồn lòng, độc giả của họ bằng các tự truyện của những người hùng tự lập và bản tóm lược lời khuyên nhắm đến những câu chuyện chưa thành hình, có tính luân lý về sự chuyển hóa cá nhân hàng loạt, cùng sự đạt được nhanh chóng của cải vô biên và hạnh phúc lớn lao.

Tự truyện của Benjamin Franklin (đến khi ông mất năm 1790 vẫn chưa hoàn thành) có lẽ là cuốn khởi xướng của thể loại này, kể về một thanh niên không xu dính túi, một trong mười bảy người con của một nhà làm nến ở Boston, cuối cùng đã thu thập được, hoàn toàn nhờ trí tuệ của mình, không chỉ một tài sản mà cả tình bạn và lòng ngưỡng mộ từ một số nhân vật quan trọng nhất thời đại ông. Câu chuyện về sự tự vươn lên của Franklin, và những câu văn ông trích (“Ngủ sớm, dậy sớm làm người ta khỏe mạnh, giàu có và sáng suốt”; “Không gì thu được mà không có đau đớn”), thuộc về một mảng văn học bao la có ý định khai trí cho những độc giả sở hữu phương tiện khiêm tốn nhưng tham vọng lớn lao. Trong vô số nhan đề sách của hạng mục này về sau, chúng ta có Getting On in the World (Để thành đạt) của William Mathew (1874), On the Road to Riches (Trên đường đến giàu sang) của William Maher (1876), The Secret of Success in Life (Bí quyết thành công trong cuộc sống) của Edwin T. Freedley (1881), How to Succeed (Làm sao để thành công) của Lyman Abbott (1882), The Law of Success (Luật thành công) của William Speer (1885) và The Problem of Success for Young Men and How to Solve It (Vấn đề thành công cho người trẻ và cách giải quyết) của Samuel Fallows (1903).

Xu hướng này đến nay vẫn không suy giảm. “Ngay lúc này bạn có thể ra một quyết định,” Anthony Robbins trong Awaken the Giant Within (Đánh thức người khổng lồ trong bạn) (1991) giải thích, “như trở lại trường học, học nhảy hay hát thuần thục, kiểm soát tài chính của mình, học lái trực thăng... Nếu bạn quả thực quyết định, bạn có thể làm hầu như bất cứ thứ gì. Bởi vậy, nếu không thích mối quan hệ hiện tại của mình, hãy ra quyết định thay đổi ngay lúc này. Nếu không thích công việc hiện tại, hãy đổi việc ngay.”

Robbins lấy câu chuyện của chính ông để cho thấy người ta có thể thay đổi tận gốc rễ thế nào. Ông đã vươn lên từ xuất thân khiêm tốn và không hạnh phúc: đầu tuổi hai mươi, ông làm lao công và sống trong căn hộ nhỏ, bẩn thỉu. Dư 18 ký, không bạn gái, những buổi tối ông ở nhà một mình nghe Neil Diamond. Rồi chợt một ngày, ông quyết tâm cách mạng hóa cuộc đời mình và phát hiện ra một “sức mạnh” tinh thần sẽ giúp ông làm được điều đó:

“Tôi dùng [sức mạnh ấy] để giành lại sự kiểm soát thể chất và giảm được hẳn 17,2 cân thừa. Nhờ đó, tôi thu hút được người phụ nữ trong mơ của mình, cưới cô ấy và lập một gia đình tôi hằng khao khát. Tôi dùng sức mạnh ấy để biến thu nhập từ mức đủ sống lên hơn một triệu đô la một năm. Tôi chuyển từ căn hộ nhỏ xíu (nơi tôi rửa bát đĩa trong bồn tắm vì không có bếp) sang ngôi nhà hiện tại của gia đình tôi bây giờ, cung điện Del Mar.”

Robbins cam đoan với độc giả là bất cứ ai cũng có thể làm giống ông, cụ thể là những ai đủ may mắn được sống trong những xã hội dân chủ và tư bản chủ nghĩa, trong đó “tất cả chúng ta đều có khả năng hiện thực hóa giấc mơ của mình”.

#### 10.

Sự phát triển nhanh chóng của nền truyền thông đại chúng vào cuối thế kỷ 19 giúp nâng những kỳ vọng lên cao hơn nữa. Trong ngày ra mắt tờ nhật báo của mình năm 1896, Alfred Harmsworth, người sáng lập tờ Daily Mail của Anh, thành thật mô tả độc giả lý tưởng của ông là một người đàn ông vỉa hè “đáng giá 100 bảng một năm” nhưng có thể bị cám dỗ bởi giấc mơ trở thành “người đàn ông 1.000 bảng của mai sau”. Trong khi đó, ở nước Mỹ, Ladies’ Home Journal (xuất bản lần đầu năm 1883), Cosmopolitan (1886), Munsey’s (1889) và Vogue (1892) mang lối sống xa xỉ vào tầm với mộng tưởng của tất thảy mọi người. Chẳng hạn, độc giả của Vogue ấn bản Mỹ cuối thế kỷ 19, được đọc về những người từng lên boong Nourmahal, chiếc du thuyền của John Jacob Astor, sau cuộc đua America’s Cup, về quần áo của những thiếu nữ tân thời nhất ăn bận ở trường nội trú học phí đắt tiền, về những người tổ chức những bữa tiệc xa hoa nhất ở Newport và Southampton, rồi thì phải ăn gì kèm với trứng cá muối trong bữa tối (khoai tây và kem chua).

Sự phát triển của truyền thanh, phim ảnh và truyền hình cũng giúp tăng cơ hội tìm hiểu cuộc sống của những người có địa vị cao hơn và giả mạo một mối liên hệ với những người đó. Đến thập niên 1930, toàn bộ dân Mỹ dành khoảng 150 triệu giờ mỗi tuần ở rạp phim và gần một tỉ giờ nghe radio. Năm 1946, 0,02 phần trăm hộ dân Mỹ sở hữu ti vi; đến năm 2000, con số ấy là 98 phần trăm.

Phương tiện truyền thông mới tạo ra những ham muốn không chỉ qua nội dung mà còn qua các mẩu quảng cáo chúng áp đặt cho người xem. Từ buổi đầu thô sơ ở Mỹ vào những năm 1830, đến cuối thế kỷ 19 quảng cáo đã phát triển thành một ngành có giá trị 500 triệu đô la Mỹ mỗi năm. Năm 1900, một tấm biển Coca-Cola khổng lồ được dựng bên cạnh thác Niagara, trong khi một mẩu quảng cáo phấn vệ sinh của Mermen được treo trên hẻm núi.

#### 11.

Khi phe bảo vệ cho các xã hội hiện đại cố đưa ra một trường hợp cho phe hoài nghi, nhiệm vụ của họ chẳng hề khó khăn: họ chỉ cần viện dẫn lượng của cải khổng lồ mà các xã hội hiện đại có thể tạo ra cho thành viên của mình.

Trong Inquiry into the Nature and Causes of Wealth of Nations (Truy vấn bên trong bản chất và căn nguyên của cải của các quốc gia) (1776), Adam Smith so sánh đầy mỉa mai hiệu suất đáng kinh ngạc của các xã hội sơ-công nghiệp với sinh kế đơn sơ của các xã hội săn bắt-hái lượm nguyên thủy. Nhóm sau, theo Smith, chìm sâu trong nghèo đói cùng cực. Các vụ thu hoạch hiếm khi mang lại đủ thức ăn, họ thường xuyên thiếu thốn những đồ dùng thiết yếu cơ bản, chưa kể vào những lúc khủng hoảng trầm trọng, trẻ con, người già và người nghèo thường bị bỏ lại “cho những loài thú hoang cắn xé”. Trái lại, các xã hội hiện đại nhờ vào phương thức sản xuất cải tiến, được Smith mô tả là “sự phân công lao động”, có thể cung cấp những thứ ấy cho tất cả thành viên. Chỉ một kẻ ngu dốt lãng mạn mới có thể ước sống ở bất cứ nơi nào khác; trong một kiểu xã hội mà “một người lao động, ngay cả ở thứ bậc thấp nhất và nghèo khổ nhất, nếu anh ta thanh đạm và siêng năng, có thể hưởng thụ phần đồ dùng thiết yếu và mức độ tiện nghi trong cuộc sống nhiều hơn bất cứ người man rợ nào có thể kiếm được.”

#### 12.

Tuy vậy, 22 năm trước khi khảo luận của Smith ra đời, một giọng đơn độc, gay gắt, quái đản nhưng gây thuyết phục đến đáng lo ngại đã cất lên để bảo vệ cho một người hùng bất đắc dĩ: người man rợ. Nhẽ nào, Jean-Jacques Rousseau đã hỏi trong Discourse on the Origin of Inequality (Luận về nguồn gốc của bất bình đẳng) (1754) rằng, chính người săn bắt hái lượm lại có cuộc sống tốt hơn người lao động hiện đại, trái với những gì người ta mặc nhiên tin?

Lập luận của Rousseau dựa vào một luận đề căn bản. Ông cho rằng, để thực sự giàu có ta không cần phải sở hữu quá nhiều thứ, mà chỉ cần có những gì mình ước muốn. Của cải không phải một thứ tuyệt đối. Nó có liên hệ với ham muốn. Mỗi khi chúng ta mong mỏi thứ gì đó ta không thể có được, ấy là khi ta trở nên nghèo hơn, bất kể tài nguyên của chúng ta là những gì. Và mỗi khi ta cảm thấy thỏa mãn với những gì mình có, ta có thể được xem là giàu có, bất kể những thứ ta có trong tay ít ỏi ra sao.

Có hai cách để khiến một người giàu hơn, Rousseau lập luận: cho anh ta thêm tiền hoặc kiềm chế những ham muốn của anh ta. Các xã hội hiện đại đã thực hiện cách đầu tiên đặc biệt tốt, nhưng bằng việc không ngừng khuấy động những ham muốn, chúng cũng đồng thời tìm cách vô hiệu hóa một phần thành quả của mình. Với cá nhân, việc cố gắng kiếm thêm tiền có thể không phải cách hiệu quả nhất để cảm thấy giàu có. Thay vào đó, chúng ta có thể làm tốt hơn bằng cách tách mình, cả trong thực tiễn lẫn cảm xúc, khỏi những người ta xem là ngang bằng nhưng lại trở nên giàu có hơn ta. Thay vì chật vật để trở thành con cá lớn hơn, ta có thể tập trung năng lượng để đi tìm cái ao nhỏ hơn, các sinh vật nhỏ hơn để bơi cùng, như thế ta sẽ đỡ băn khoăn về kích cỡ của bản thân hơn.

Một khi các xã hội tiên tiến tạo cho các thành viên thu nhập ngày một tăng, có vẻ như chúng làm cho ta giàu có hơn. Nhưng thực tế, kết quả chung cuộc của chúng có khi lại làm ta nghèo đi, bởi vì bằng cách nung nấu những kỳ vọng vô biên, chúng tạo những hố ngăn cách muôn thuở giữa những gì ta muốn và những gì ta có thể có, giữa con người ta-có-thể-là và con người ta-thực-sự-là. Những mối chênh lệch như thế có thể khiến chúng ta cảm thấy túng quẫn hơn cả những người man rợ nguyên thủy, những người, Rousseau khẳng định (đến đây lý lẽ của ông chạm tới các giới hạn của tính có-vẻ-đáng-tin), cảm thấy rằng họ chẳng thiếu thứ gì trên đời miễn là có mái nhà che nắng mưa, vài quả táo và hạt dẻ để ăn cùng thời giờ nhàn rỗi buổi tối dành để chơi “một thứ nhạc cụ thô thiển nào đó” hay “dùng mấy cái rìu đá để đẽo một xuồng đánh cá”.

So sánh của Rousseau về những thang bậc tương đối của hạnh phúc giữa con người nguyên thủy và hiện đại đưa chúng ta trở lại luận điểm của William James về vai trò của những kỳ vọng trong việc xác định tầm mức lòng tự trọng của chúng ta. Chúng ta có thể cảm thấy đủ hạnh phúc với sự nhỏ nhoi nếu nhỏ nhoi là những gì ta kỳ vọng, và chúng ta có thể khốn khổ với sự dư dật nếu ta được dạy phải khao khát mọi thứ.

Những người man rợ lõa lồ của Rousseau chỉ có vài thứ trong tay. Song, không giống những hậu bối của họ ở “Taj Mahal”, ít nhất họ cũng có thể bù khú trong sự giàu có lớn lao đến từ niềm khát vọng những thứ vô cùng nhỏ nhoi.

#### 13.

Cái giá chúng ta trả cho kỳ vọng được dư dả hơn tổ tiên chính là nỗi lo âu vĩnh cửu rằng không biết đến bao giờ ta mới trở thành cái mà ta-có-thể-là.

## III NỀN TINH ANH TRỊ

### BA CÂU CHUYỆN CŨ NHƯNG CÓ ÍCH VỀ SỰ THẤT BẠI

#### 1.

Việc chiếm giữ một vị trí thấp trong hệ phân tầng xã hội hiếm khi nào làm chúng ta hài lòng, nhìn từ quan điểm vật chất, nhưng không phải ở bất cứ đâu hay bất cứ lúc nào nó cũng đau đớn như nhau về mặt tâm lý. Tác động của nghèo đói lên lòng tự trọng sẽ được quyết định phần lớn qua cách cộng đồng ấy cắt nghĩa và diễn giải về nghèo đói.

Trong khi tiến bộ vật chất của phương Tây suốt hai thiên niên kỷ qua là không thể chối cãi, những lời giải thích cho lý do tại sao người ta nghèo và giá trị của họ cho xã hội có thể là gì đã trở nên ngày càng đau đáu và gây xáo trộn hơn về cảm xúc ở thời hiện đại, một sự tiến hóa đóng góp thêm lời lý giải thứ ba về bất kỳ mối lo âu nào của một người khi họ có hoặc đạt được một địa vị thấp.

#### 2.

Từ khoảng năm 30, khi Jesus bắt đầu sứ vụ của mình, cho đến nửa sau thế kỷ 20, những người dưới tầng đáy các xã hội phương Tây đã truyền đạt ba câu chuyện về tầm quan trọng của họ, những điều nếu họ tin thì hẳn sẽ có tác dụng an ủi, giảm thiểu lo âu cho họ đến nhường nào.

Chuyện đầu tiên:

Người nghèo không phải chịu trách nhiệm cho hoàn cảnh của họ và là những người có ích nhất trong xã hội

Nếu hỏi một thành viên của xã hội phương Tây thời trung cổ hoặc cận hiện đại về việc dựa trên cơ sở gì mà xã hội được phân chia thành giàu và nghèo, nông dân và quý tộc, có thể đa phần sẽ thấy câu hỏi này kỳ cục: sự phân chia đó đơn giản là ý Chúa.

Tuy vậy, bên cạnh niềm tin cứng nhắc vào một cấu trúc gồm ba giai cấp này - tăng lữ, quý tộc và nông dân - vẫn có một sự tán thưởng mạnh mẽ bất thường về cách thức mà các tầng lớp khác nhau phụ thuộc tương hỗ và do đó là một sự tán thưởng mạnh mẽ bất thường về giá trị của tầng lớp cùng khổ. Lý thuyết về sự phụ thuộc tương hỗ cho rằng tầng lớp nông dân quan trọng không kém và vì thế phẩm giá không thua tầng lớp quý tộc hay tăng lữ. Cuộc đời của người nông dân có thể cực nhọc (điều không thể thay đổi), nhưng ai cũng biết nếu không có họ thì hai tầng lớp kia sẽ sớm lụi tàn. Có vẻ như John xứ Salisbury thiếu rộng lượng khi so sánh người nghèo với hai bàn chân và người giàu với cái đầu, nhưng đổi lại, phép ẩn dụ xúc xiểm này đã nhắc người giàu đối xử tôn trọng với người nghèo nếu họ muốn sống sót, cũng như họ phải biết trân trọng bàn chân mình nếu muốn bước đi.

Sự trịch thượng thường đi cùng với anh em sinh đôi thuận lợi hơn của nó, tác phong dân chi phụ mẫu: giả sử coi người nghèo như trẻ em, thì nhiệm vụ của người giàu là đóng vai trò những bậc cha mẹ yêu thương con cái. Nghệ thuật và văn chương thời trung cổ vì thế chất chứa vẻ phóng khoáng, nếu như hạ cố làm như vậy, ca ngợi nông dân, và người ta không quên rằng bản thân Jesus cũng là thợ mộc.

Trong Colloquy (Hội đàm) (khoảng năm 1015), Aelfric, tu viện trưởng Eynsham, lập luận rằng nông dân là thành viên quan trọng nhất của xã hội, bởi phần còn lại có thể sống sót thiếu giới quý tộc hay tăng lữ, nhưng không ai có thể sống mà không có nguồn lương thực do thợ cày cung cấp. Năm 1036, giám mục Gerard xứ Cambrai xác quyết trong một bài thuyết giáo rằng việc lao động thô vụng như thế thật là buồn chán và nặng nhọc, nhưng nó lại khiến mọi dạng lao động khác, cao hơn về mặt trí tuệ, trở nên khả thi. Vì thế người tử tế phải vinh danh người nông dân. Hans Rosenplủt ở Nuremberg là một trong số nhiều nhà thơ thấy cảm kích và muốn tôn sùng “người thợ cày cao quý”. Trong bài thơ “Der Bauern Lob” (khoảng năm 1450), ông viết rằng, trong tất cả tạo vật của Chúa, không có gì là cao đẹp hơn:

Tay cầm cày vốn dĩ lao khổ

Đổ mồ hôi anh nuôi cả thế gian:

ông lãnh chúa, bà thị dân và chàng nghệ nhân cao quý.

Nếu thế giới thiếu người nông dân kham khó, cuộc

sống mỗi chúng ta sẽ thảm đau biết mấy.

Những vần thơ trên tuy không làm mềm đất dọc những luống cày của người nông dân, nhưng khi được suy xét cùng cái thái độ ẩn dưới đấy, chúng hẳn đã gọi cho người nông dân một cảm xúc hoan hỉ về phẩm giá của chính họ.

Chuyện thứ hai:

Địa vị thấp không mang hàm ý đạo đức

Kinh Thánh mang lại một cách nhìn nhẹ nhõm khác cho những người có địa vị thấp. Tân Ước nhấn mạnh cả giàu sang lẫn nghèo khó đều không phải là một chỉ dấu chính xác cho giá trị đạo đức. Suy cho cùng, Jesus là bậc tối cao, thánh thiện nhất, thế nhưng trên thế gian ngài cũng từng nghèo đấy thôi, làm gì có đẳng thức đơn giản nào giữa lương thiện và giàu có.

Chỉ cần Kitô giáo dịch ra khỏi một vị trí trung lập về tiền, nó sẽ đứng về phía nghèo khó, bởi theo lược đồ Kitô giáo, ngọn nguồn của thiện tính là việc tri nhận rằng ta phụ thuộc vào Chúa. Bất cứ thứ gì cổ vũ cho niềm tin rằng có thể sống một cuộc đời hài lòng mà không nhờ ân sủng của Chúa thì đều là quỷ dữ, và chính của cải giàu sang rơi vào phạm trù quỷ dữ này, nó hứa hẹn cả lạc thú trần tục lẫn một cảm thức bất mãn về tự do.

Trong khi đó, những mối kham khổ mà người nghèo phải chịu khiến họ, một cách tự nhiên hơn, quay sang nhờ cậy ơn Chúa. Qua những ngụ ngôn êm dịu trong Tân ước, họ thấy rằng người giàu không chui qua được lỗ kim[\*](file:///D:\Ebook-Center\Nỗi%20lo%20âu%20về%20địa%20vị.docx#Top_of_1_split11_xhtml); và biết được rằng họ sẽ thừa hưởng thế gian này và được đảm bảo họ sẽ là những người đầu tiên bước qua cổng của nước Thiên đàng.

Chuyện thứ ba:

Người giàu tội lỗi và sa đọa, sở hữu của cải nhờ cướp bóc người nghèo

Câu chuyện thứ ba xuất hiện để xoa dịu nỗi khốn khổ của cái nghèo và một địa vị xã hội thấp kém. Theo câu chuyện này, vốn được cho là có ảnh hưởng lớn nhất vào khoảng năm 1754 đến 1989, người nghèo được nhắc nhở rằng người giàu là trộm cắp và đồi bại, kiếm được các đặc quyền bằng cướp bóc và lường gạt thay vì bằng đức hạnh hay tài năng. Còn nữa, người giàu đã thao túng xã hội theo cái cách mà người nghèo không bao giờ có thể cải thiện số phận với tư cách cá nhân, mặc cho họ có khả năng và quyết chí thế nào. Niềm hy vọng duy nhất của họ đặt vào cách mạng và sự phản kháng xã hội có tính đại chúng.

Trong Luận về nguồn gốc của bất bình đẳng (1754), Jean-Jacques Rousseau đem đến phiên bản sớm sủa nhất của câu chuyện đó: “Người đầu tiên, khi đã rào một miếng đất, tự dưng nói rằng miếng đất này là của tôi và thấy mọi người đủ chất phác để tin ông ta, chính là người sáng lập thực thụ xã hội dân sự. Đáng lẽ nhân loại đã tránh khỏi bao tội ác, cuộc chiến tranh, vụ sát hại, bao lầm than và khiếp hoảng, nếu như có ai đó nhổ những cây cọc lên, lấp kín đường hào và hét lên với đồng bào mình: ‘Đừng nghe tên lừa đảo này. Các bạn sẽ mất hết nếu quên rằng hoa trái trên thế gian thuộc về tất cả và thế gian này không thuộc riêng ai!’”

Một trăm năm sau, Karl Marx cũng sẽ thốt lên lời kêu gọi tương tự, dùng những từ ngữ có vẻ khoa học để truyền tải cái mà trong tay Rousseau vốn là lời kêu gọi phản kháng xã hội. Với Marx, có một động lực bóc lột cố hữu bên trong hệ thống tư bản, bởi lẽ, người chủ sẽ luôn tìm cách thuê công nhân với giá thấp hơn giá họ kiếm được nhờ bán sản phẩm của mình, rồi bỏ túi phần chênh lệch gọi là “lợi nhuận”. Thứ lợi nhuận như thế lúc nào cũng ngập tràn trên báo chí chính thống của giới tư bản như phần thưởng dành cho người chủ “dám chấp nhận rủi ro” và “dám làm”, nhưng Marx nhất mực cho rằng những từ đó chỉ là những uyển ngữ thay cho từ “ăn cướp”.